

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Robot Trục Kép XY - Dòng XYG320 (XY Axis Robot Specification)

HÀNH TRÌNH TỐI ĐA (MAXIMUM STROKE)

X Trục 1100 mm

Y Trục 500 mm

VẬN TỐC TỐI ĐA (MAXIMUM SPEED)

X Trục 1000 mm/s

Y Trục 500 mm/s

CÔNG SUẤT ĐỘNG CƠ (SERVO OUTPUT)

X Trục 200 W

Y Trục 100 W

THÔNG SỐ CƠ BẢN (SPECIFICATION)

Hạng mục (Item)	Trục X (X axis)	Trục Y (Y axis)
Mã kiểu trục (Model Type)	CFG8	CFG5
Độ lặp lại (Repeatability)	±0.01 mm	±0.01 mm
Bước vít me (Ball Screw Lead)	20 mm	10 mm
Vận tốc tối đa (Max Speed) ※1	1000 mm/s	500 mm/s
Hành trình chuẩn (Bước 50mm)	50 ~ 1100 mm	100 ~ 500 mm
Công suất Servo (AC Output)	200 W	100 W
Môi trường làm việc	0~40°C, dưới 85% RH	

※1: Vận tốc tối đa (mm/s) dựa trên tốc độ quay tối đa 3000 rpm/min của động cơ AC Servo.

TẢI TRỌNG TỐI ĐA (MAXIMUM PAYLOAD)

Hành trình Y (mm)	100	150	200	250	300	350	400	450	500
Tải trọng Y (kg)	8.12	7.74	7.36	6.98	6.60	6.22	5.84	5.46	5.00

※ Chỉ áp dụng đối với phương thức lắp đặt nằm ngang (Horizontal installation only).

HƯỚNG DẪN CHỌN MÃ SẢN PHẨM (ORDERING METHOD)

XYG320 - A - 1 - 300 - 300 - T - C - 0001

1. Mã thân máy (Model Base)

XYG320

2. Phương thức kết nối (Combination)

A Dạng tay đòn / Cần treo (Arm Type)

3. Hướng kết hợp (Combination Direction)

4. Hành trình trục X (X Stroke)

- Hướng 1
- Hướng 2
- Hướng 3
- Hướng 4

50 ~ 1100 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

5. Hành trình trục Y (Y Stroke)

100 ~ 500 mm (Khoảng cách bước: 50 mm)

6. Tiêu chuẩn lắp động cơ (Motor Installation)

- T** Chuẩn thông dụng: Mitsubishi, Delta, Yaskawa, Inovance, v.v.
P Chuẩn động cơ Panasonic

7. Phương thức giao hàng (Delivery Method)

- C** Giao theo bộ hoàn chỉnh (By Set)
K Giao theo dạng linh kiện/mô-đun rời (By Kit)

8. Mã yêu cầu đặc biệt (Special Order No.)

0001 (Mã quy định riêng theo đơn hàng đặt đặc biệt)